

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/HSST

Ngày: 21 - 9 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thanh Xuân
2. Bà Trần Thị Kim Thắm

Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị D – Là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Panal - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 47/2022/TLST-HS, ngày 06 tháng 9 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2022/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Thị D, sinh năm 1964 tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang; tên gọi khác: không có; nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: mua bán; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị T; có chồng tên Trần Ngọc O, sinh năm: 1963 và có 02 người con, lớn sinh năm 1982, nhỏ sinh năm: 2000; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tốt, bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Thị L, sinh năm: 1970 tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang; tên gọi khác: không có; nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị T; có chồng tên Lê Văn G, sinh năm: 1970 và có 04

người con, lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm: 2013; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tốt, bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Nguyễn Thị V, sinh năm: 1975 tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang; tên gọi khác: không có; nơi cư trú: ấp Tầm Vu 1, xã Thạnh Hòa, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị T; có chồng tên Trần Phú N, sinh năm: 1976 và có 01 người con sinh năm 1997; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tốt, bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Trần Thị Th, sinh năm: 1987 tại huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ; tên gọi khác: không có; nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: mua bán; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ và bà Trần Thị K; có chồng tên Trần Văn Đ, sinh năm: 1982 và có 02 người con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm: 2017; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tốt, bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Trần Thị D, sinh năm: 1974, địa chỉ: ấp S, thị trấn H, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Trần Ngọc O, sinh năm: 1963, địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

Người tham gia tố tụng khác:

- Người làm chứng:

Ông Phạm Văn C, sinh năm: 1959, địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

NỘI D V VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau: vào khoảng 12 giờ ngày 04/02/2022, bà Trần Thị D đến tiệm tạp hóa của bà D để mua đường, bà D nhận ra bà D, lúc này bà D mang khẩu trang nên bà D kéo khẩu trang bà D ra và hô lớn “vợ bé của ông O” và kêu “V oi, L oi” ra tiếp nủ giữ bà D lại. Lúc này, hai người em bà D là Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị V và con dâu là Trần Thị Th nghe thấy chạy đến nắm tay nủ giữ bà D lại cho bà D ngồi lên ghế để giúp cho bà D thuận lợi trong việc cắt tóc bà D nhằm mục đích hả hê cơn tức giận và mục đích làm nhục bà D do “giật chồng bà”. Tiếp đến bà D dùng cây kéo dài 35cm, lưỡi bằng kim loại, cán bọc nhựa cắt tóc bà D, khi cắt được khoảng 02 đến 03 kéo thì bà D giật mạnh tay để thoát ra nên

trúng ngón hai (ngón trỏ) bàn tay phải vào kéo của bà D đang cầm nên bị thương tích nhẹ. Lúc này con trai bà D đi về nhà, bà D sợ con trai sẽ đánh bà D nên kêu mọi người buông bà D ra, bà D bỏ lại xe mô tô và điện thoại di động chạy đến Công an xã B, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang trình báo sự việc.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 71/22/TgT ngày 31/3/2022 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Hậu Giang đối với Trần Thị D kết luận:

“1. Dấu hiệu chính tại thời điểm giám định: Vết thương phần mềm.

2. Kết luận:

2.1. Tỷ lệ thương tích gây tổn hại sức khỏe hiện tại. Theo TT số 22/2019/TT-BYT là 02%;

2.2. Vật gây ra thương tích: Vết thương ngón II bàn tay phải do vật sắc bén gây nên; Chấn thương vùng đỉnh trán đã phục hồi không để lại dấu vết do vật tày gây nên”.

Cáo trạng số 47/CT-VKS-HCTA ngày 03 tháng 9 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị V, Trần Thị Th về tội “Làm nhục người khác”. Tại phiên tòa diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A trong phần luận tội đã giữ nguyên cáo trạng truy tố các bị cáo, phân tích cấu thành tội phạm, hành vi, vai trò, tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị V, Trần Thị Th phạm tội “Làm nhục người khác”, đồng thời đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 155; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật Hình sự xử phạt hình phạt chính bằng tiền Nguyễn Thị D từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, xử phạt các bị cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị V, Trần Thị Th từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại khai trong lúc các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội làm bị hại rách mất sợi dây chuyền 06 chỉ 03 phân vàng 18k nhưng quá trình điều tra chứng minh được lời khai bị hại mất sợi dây chuyền là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận. Đối với thiệt hại về danh dự, nhân phẩm, uy tín tại phiên tòa bị hại yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật nên căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả gây đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận mức từ 05 đến 07 tháng lương cơ sở. Tại phiên tòa các bị cáo và bị hại thỏa thuận được mức bồi thường tiền thuốc điều trị tất cả thương tích tổng số tiền là 3.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về xử lý vật chứng: căn cứ vào các Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự: đối với 01 (một) cây kéo dài 35cm, lưỡi bằng kim loại, cán bọc nhựa đã qua sử dụng là công cụ phạm tội của bị cáo D và 01 (một) nắm tóc màu đen, dài 44cm của bị hại, bị hại không yêu cầu nhận lại nên đề nghị tịch thu tiêu hủy. Đối với số tiền tạm giữ 10.000.000 đồng do các bị cáo tự nguyện L đối nộp để bồi thường thiệt

hại, khắc phục hậu quả trong quá trình điều tra đề nghị tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án. Đối với (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen trắng đã qua sử dụng của bị hại quá trình giảng co bị rút lại nên đề nghị trả lại cho bị hại. Đối với xe mô tô biển số kiểm soát 65H1 – 369.17 đã qua sử dụng là của bị hại bỏ chạy để lại, quá trình điều tra đã xử lý trả lại xong nên không đề cập xử lý.

Các bị cáo Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị V, Trần Thị Th thừa nhận hành vi phạm tội, thống nhất tội danh như nội D cáo trạng đã truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện được xem là hợp pháp.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan đến vụ án ông Trần Ngọc O và vắng mặt người làm chứng Phan Văn Cung. Xét thấy, quá trình điều tra những người này đã có cung cấp lời khai rõ ràng, việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ vào Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn xét xử vắng mặt.

[3] Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng Viện kiểm sát truy tố phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan đến vụ án và người làm chứng, phù hợp các tình tiết chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: do bà Nguyễn Thị D ghen tuông trong việc ông Trần Ngọc O là chồng bị cáo có mối quan hệ tình cảm với bị hại D nên vào khoảng 12 giờ ngày 04/02/2022 tại tiệm tạp hóa nhà bà D, bà D gặp Diệu đến mua đường về sử dụng thì bà D biết được người tình ông O nên bị cáo kéo khẩu trang bà D xuống và hô to “Vợ bé của ông O” và nắm kéo bị hại D lại đồng thời kêu lớn “V oi, L oi qua tiếp chị, chị bắt được vợ bé của ông O rồi”, Trần Thị Th con dâu bà D cũng nghe và chạy ra cùng nhau giữ bị hại D lại để cho bị cáo D dùng kéo cắt tóc bị hại D, bị cáo D nắm tóc cắt 02 đến 03 cái thì thấy con trai bị cáo về sợ con trai nóng giận sẽ đánh bị hại, lúc này bị hại cố vùng lên quơ gạt tay những người nắm bị hại ra thì tay bị hại trúng vào cây kéo bị cáo D cầm làm đứt ngón II (ngón trỏ tay phải), trong lúc giảng co bị hại rút lại điện thoại, sau đó được các bị cáo buông tay ra thì bỏ chạy để lại xe mô tô cùng điện

thoại di động, bị hại chạy bộ đến Công an xã B tố giác sự việc. Tại phiên tòa xác định được ý thức các bị cáo không nhằm mục đích cướp tài sản, giật tài sản, cũng không nhằm mục đích gây thương tích cho bị hại, việc bị hại cố sức gạt tay các bị cáo trúng cây kéo là do vô ý của các bên. Mục đích chính là vì các bị cáo muốn làm nhục bị hại trước mặt nhiều người, và để hả hê cơn tức do giật chông bị cáo D nhưng hành vi của các bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Làm nhục người khác”. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A truy tố các bị cáo Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị V, Trần Thị Th về tội “Làm nhục người khác” quy định tại khoản 1 Điều 155 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[4] Xét vai trò đồng phạm: bị cáo D là người khởi xướng và là người trực tiếp cắt tóc bị hại mục đích làm cho bị hại nhục một cách tích cực nhất nên là người có vai trò nguy hiểm nhất; các bị cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị V, Trần Thị Th đã giúp sức tích cực bằng cách níu giữ bị hại để cho bị cáo D thuận lợi trong việc cắt tóc nên vai trò của L, V, Thúy là ngang nhau nhưng nhẹ hơn bị cáo D. Các bị cáo nhất thời phạm tội, không có sự chuẩn bị, phân công nhiệm vụ chặt chẽ và không có tính toán từ trước nên chỉ xem là đồng phạm giản đơn.

[5] Xét về hậu quả gây nên: ngoài hành vi làm nhục người khác thì bị hại còn bị đứt ngón tay II (ngón trỏ phải), qua kết luận giám định thương tích của bị hại là 2%. Tại phiên tòa bị hại cho rằng do lúc gồng co bị cáo D đưa kéo định hớt tóc bị hại nên bị hại dùng hai bàn tay che khuôn mặt lại tránh để thương tích ở mặt thì vô tình trúng cây kéo bị thương tích nên không yêu cầu xử lý đối với hành vi gây thương tích.

[6] Xét hành vi, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội và hình phạt đối với từng bị cáo: về hành vi các bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, tính chất vi phạm cho thấy các bị cáo xem thường pháp luật, vi phạm các quy tắc xử sự chung giữa người với người là hành vi nguy hiểm cho xã hội, làm mất an ninh trật tự, làm xâm hại đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ nên cần phải có hình phạt thật nghiêm, tương xứng với lỗi của từng bị cáo đã gây ra. Xét tổng thể về hành vi, tính chất, mức độ thì bị cáo D phải có hình phạt cao hơn các bị cáo còn lại.

[7] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[8] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: kết quả điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay nhận thấy các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện L đới nộp trước số tiền 10.000.000 đồng để sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả đã gây ra nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[9] Về hình phạt áp dụng: trước thời điểm phạm tội các bị cáo là người không tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt, có nghề nghiệp mua bán, làm ruộng tạo ra thu nhập nên khi lượng hình có xem xét đến tình hình tài sản của từng bị cáo, Hội đồng xét xử thống nhất xử phạt hành phạt chính là phạt tiền với mức phạt đủ nghiêm, tương xứng đối với từng bị cáo cũng đủ sức răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

[10] Về trách nhiệm dân sự: quá trình điều tra bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường về sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín là 100.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị hại thay đổi, yêu cầu các bị cáo bồi thường các khoản như sau: tổng chi phí điều trị thương tích là 3.000.000 đồng, tiền thuê mặt bằng nhưng do bị ảnh hưởng từ hành vi của các bị cáo gây nên không buôn bán được là 04 tháng mỗi tháng thuê 3.000.000 đồng = 12 triệu đồng; tiền bồi thường do hành vi làm nhục ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm, uy tín bằng 10 tháng lương cơ sở hoặc đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật và yêu cầu bồi thường sợ dây chuyên bị mất 06 chỉ 03 phân vàng 18K.

[10.1] Xét đối với hành vi gây nên thương tích 2% tại phiên tòa bị hại không yêu cầu xử lý nhưng yêu cầu bồi thường tiền thuốc điều trị tổng cộng là 3.000.000 đồng, tại phiên tòa các bị cáo chấp nhận bồi thường tiền thuốc điều trị này nên ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị hại và các bị cáo.

[10.2] Đối với thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín: tại phiên tòa các bị cáo chỉ đồng ý bồi thường mức 05 tháng lương cơ sở. Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, tính chất, mức độ, hậu quả gây nên thì bị hại có bị xâm phạm về danh dự, nhân phẩm, uy tín nhưng bị hại không đưa ra được cá tài liệu, chứng cứ chứng minh đầy đủ các thiệt hại bị mất, bị găm sút, bị tổn thất nên Hội đồng xét xử xác định mức bồi thường về tổn thất danh dự, nhân phẩm, uy tín bằng 05 tháng lương cơ sở là phù hợp. Cụ thể mức lương cơ sở tại thời điểm xét xử là 1.490.000 đồng X 5 tháng = 7.450.000 đồng.

[10.3] Đối với thiệt hại do thuê mặt bằng do không mua bán kinh doanh mà bị hại yêu cầu tại phiên tòa là 04 tháng = 12 triệu đồng nhưng bị hại không có căn cứ chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu này nên không có căn cứ chấp nhận.

[10.4] Về yêu cầu bồi thường sợ dây chuyên bị mất của bị hại: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại không đủ chứng cứ, chứng minh việc tài sản bị mất nên yêu cầu này không có căn cứ chấp nhận.

[11] Tổng các chi phí thiệt hại buộc các bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại là 10.450.000 đồng. Tại phiên tòa các bị cáo tự nguyện yêu cầu xác định nghĩa vụ L đối theo phần bằng nhau và số tiền 10.000.000 đồng đã tạm nộp trước là nghĩa vụ L đối nên buộc các bị cáo tiếp tục có nghĩa vụ L đối theo phần bằng nhau nộp thêm số tiền bồi thường 450.000 đồng.

[12] Xét về xử lý vật chứng: quá trình điều tra và tại phiên tòa chứng minh

được 01 (một) cây kéo dài 35cm, lưới bằng kim loại, cán bọc nhựa đã qua sử dụng là công cụ bị cáo D dùng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy; đối với số tiền tạm giữ 10.000.000 đồng là do các bị cáo L đối nộp mục đích để sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại nên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc bồi thường; đối với 01 (một) nắm tóc màu đen, dài 44cm là của bị hại D, tại phiên tòa bị hại không muốn nhận lại nên tịch thu tiêu hủy; trả lại cho bị hại D 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen trắng đã qua sử dụng.

[13] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[14] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về điều khoản áp dụng và hình phạt đối với từng bị cáo là phù hợp, có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị V, Trần Thị Th phạm tội “Làm nhục người khác”.

1. Căn cứ: khoản 1 Điều 155, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 17, Điều 35, Điều 50 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị V, Trần Thị Th.

1.1. Xử phạt: Nguyễn Thị D 15.000.000 đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

1.2. Xử phạt: Nguyễn Thị L 10.000.000 đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

1.3. Xử phạt: Nguyễn Thị V 10.000.000 đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

1.4. Xử phạt: Trần Thị Th 10.000.000 đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

2. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng các Điều 587, 590, 592 của Bộ luật Dân sự.

Buộc các bị cáo có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bị hại tổng số tiền là 10.450.000 đồng (nghĩa vụ liên đới theo phần bằng nhau). Đã tạm giữ số tiền 10.000.000 đồng nên các bị cáo có nghĩa vụ liên đới bồi thường thêm số tiền 450.000 đồng.

Kể từ ngày bị hại Trần Thị D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị cáo chậm trả số tiền bồi thường nêu trên thì hàng tháng các bị cáo còn phải liên đới trả cho bị hại số tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, lãi suất được áp dụng theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và áp dụng các Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) cây kéo dài 35cm, lưới bằng kim loại, cán bọc nhựa và 01 (một) nắm tóc màu đen, dài 44cm.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.000.000 đồng để đảm bảo cho việc bồi thường.

Trả lại cho bị hại Trần Thị D 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen trắng đã qua sử dụng.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: các bị cáo có nghĩa vụ L đới nộp 300.000 đồng (nghĩa vụ L đới theo phần bằng nhau).

6. Về quyền kháng cáo: các bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 21/9/2022. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Sở Tư Pháp tỉnh Hậu Giang;
- Viện KSND huyện Châu Thành A;
- Công an huyện Châu Thành A;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành A;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Tâm